

Số: 942 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 14 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với
người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế
đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 01/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2012/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ, chính sách đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 1280/LĐTB&XH-NCC ngày 12/6/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trợ cấp một lần cho 72 ông (bà) là người tham gia chiến tranh, bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg và 09 ông (bà) là thân nhân trực tiếp của người tham gia chiến tranh, bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg (có danh sách kèm theo).

Tổng số tiền trợ cấp một lần là: 208.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm linh tám triệu đồng chẵn).

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh & Xã hội, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố có liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, KGVX.

Bản điện tử:

- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh Lê Ánh Dương;
- VP UBND tỉnh: CVP, TKCT, TH, KT, TPKGVX.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

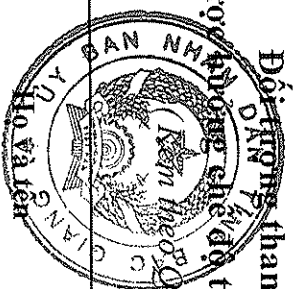


AD

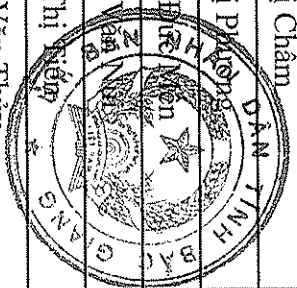
Lê Ánh Dương

DANH SÁCH

Đội tình nguyện tham gia kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc
được không chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ
được không chế độ trợ cấp một lần theo Quyết định số: 942 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang




TT	H. YÊN DŨNG	Năm sinh	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú		Số năm được hưởng	Mức trợ cấp (đồng)	Ghi chú
			Thôn	Xã (Phường)			
I							
1	Đỗ Thị Dung	1959	Tiêu khu 3	Thị trấn Neo	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
2	Nguyễn Văn Toàn	1960	Tổ dân phố Khôi	Thị trấn Tân Dân	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
3	Hà Văn Đô	1955	Tổ dân phố Trung II	Thị trấn Tân Dân	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
4	Đặng Thị Yên	1964	Tổ dân phố Tân An	Thị trấn Tân Dân	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
5	Nguyễn Văn Cường	1960	Minh Phương	Nham Sơn	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
6	Lương Thị Lưu	1960	Kem	Nham Sơn	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
7	Nguyễn Thị Quý	1958	Đông Hương	Nham Sơn	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
8	Nguyễn Thị Nhi	1958	Minh Phương	Nham Sơn	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
9	Đào Thị Pha	1960	Đông Hương	Nham Sơn	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
10	Nguyễn Thị Nghi	1960	Kem	Nham Sơn	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
11	Nguyễn Thị Bảy	1960	Kem	Nham Sơn	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
12	Phạm Thị Bốn	1960	Đông Hương	Nham Sơn	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
13	Nguyễn Văn Hồng	1950	Đông Hương	Nham Sơn	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
14	Nguyễn Văn Hựu	1959	Bắc	Đông Việt	01 tháng 12 ngày	2.500.000	
15	Trần Thị Lương	1961	Bắc	Đông Việt	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
16	Trần Quang Lại	1952	Nam	Đông Việt	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
17	Lê Thị The	1961	Nam	Đông Việt	01 tháng 12 ngày	2.500.000	
18	Trần Văn Quyền	1958	Bến	Đông Việt	01 tháng 13 ngày	2.500.000	



19	Trần Thị Chăm	1959	Bến	Đông Việt	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
20	Trần Thị Phương	1961	Bè	Đông Việt	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
21	Nguyễn Đức Nền	1951	Thanh Vân	Đức Giang	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
22	Nguyễn Văn Năm	1954	Bến	Đức Giang	01 tháng 12 ngày	2.500.000	
23	Hoàng Thị Hiệp	1959	Bến	Đức Giang	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
24	Nguyễn Văn Thủy	1958	Bến	Đức Giang	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
25	Nguyễn Thị Nga	1958	Trung Sơn	Đức Giang	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
26	Phan Văn Nền	1960	Mò	Đức Giang	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
27	Vũ Văn Bích	1953	Mò	Đức Giang	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
28	Vũ Văn Lại	1948	Mò	Đức Giang	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
29	Lê Văn Hòa	1958	Đường	Đức Giang	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
30	Phạm Ngọc Huân	1958	Trung Sơn	Đức Giang	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
31	Lê Thị Tài	1960	Tiền La	Đức Giang	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
32	Nguyễn Thị Hoàn	1963	Tiền La	Đức Giang	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
33	Ông Thị Sinh	1959	Thượng	Đức Giang	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
34	Nguyễn Văn Tam	1940	Thượng	Đức Giang	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
35	Nguyễn Văn Giang	1959	Thượng	Đức Giang	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
36	Nguyễn Văn Luân	1952	Cát	Đức Giang	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
37	Nguyễn Thị Lành	1958	Việt Thắng	Đông Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
38	Lê Đức Nền	1960	Việt Thắng	Đông Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
39	Nguyễn Khắc Len	1952	Việt Thắng	Đông Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
40	Nguyễn Thị Nhuận	1956	Việt Thắng	Đông Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
41	Phạm Thị Đường	1959	Bác Sơn	Đông Phúc	24 ngày và bị dịch bắt 86 ngày tại Quảng Châu Trung Quốc	2.500.000	
42	Đặng Thị Uyên	1958	Bác Sơn	Đông Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	



43	Nguyễn Thị Hương An	1960	Bắc Sơn	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
44	Nguyễn Thị Huệ	1959	Bắc Sơn	Đồng Phúc	24 ngày và bị dịch bất 86 ngày tại Quảng Châu Trung Quốc	2.500.000	
45	Lê Thị Ngọc Anh	1960	Hoàng Phúc	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
46	Nguyễn Thị Lợi	1958	Hoàng Phúc	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
47	Nguyễn Thanh Tam	1956	Hoàng Phúc	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
48	Nguyễn Văn Hòai	1952	Nam Sơn	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
49	Nguyễn Thị Nhân	1960	Nam Sơn	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
50	Phạm Thị Thoa	1958	Nam Sơn	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
51	Nguyễn Thị Khôi	1959	Nam Sơn	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
52	Đặng Thị Tươi	1959	Nam Sơn	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
53	Ngô Thị Huệ	1960	Nam Sơn	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
54	Lương Đức Đạo	1958	Cao Đông	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
55	Đặng Thị Ban	1960	Cao Đông	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
56	Lê Văn Thặng	1954	Nam Sơn	Đồng Phúc	24 ngày và bị dịch bất 86 ngày tại Quảng Châu Trung Quốc	2.500.000	
57	Nguyễn Thị Ve	1958	Nam Sơn	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
58	Nguyễn Văn Bông	1955	Nam Sơn	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
59	Hoàng Văn Mầu	1953	Nam Sơn	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
60	Phan Thị Mây	1961	Nam Sơn	Đồng Phúc	24 ngày và bị dịch bất 86 ngày tại Quảng Châu Trung Quốc	2.500.000	
61	Nguyễn Văn Báo	1946	Cao Đông	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
62	Phạm Thị Kéo	1958	Cao Đông	Đồng Phúc	24 ngày và bị dịch bất 86 ngày tại Quảng Châu Trung Quốc	2.500.000	



63	Nguy Văn Hiến	1957	Cao Đồng	Đồng Phúc	24 ngày và bị địch bắt 86 ngày tại Quảng Châu Trung Quốc	2.500.000	
64	Nguyễn Văn Bính	1945	Cụu Trên	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
65	Nguyễn Thị Nhân	1958	Cụu Trên	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
66	Trần Văn Đô	1950	Hạ Làng	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
67	Hoàng Ngọc Liên	1958	Đồng Nhân	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
68	Nguyễn Thị Ái	1958	Đồng Nhân	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
69	Đặng Văn Hiến	1952	Đồng Nhân	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
70	Nguyễn Văn Nghệ	1951	Đồng Nhân	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
71	Nguyễn Thị Nhân	1955	Cụu Trên	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
72	Nguyễn Thị Toàn	1956	Việt Thắng	Đồng Phúc	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
Tổng cộng						180.000.000	

Tổng số đối tượng: 72 người.

Tổng số tiền: 180.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn)

DANH SÁCH

Thân nhân đối tượng tham gia kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc đã từ trần được hưởng chế độ抚恤 cấp một lần theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ được hưởng chế độ抚恤 cấp một lần theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ

Số Quyết định: 912 /QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang



TT	Họ và tên đối tượng	Năm sinh	Năm từ trần	Họ và tên thân nhân đề nghị	Năm sinh	Nơi đăng ký		Quan hệ với đối tượng	Số năm được hưởng	Mức trợ cấp (đồng)	Ghi chú
						hộ khẩu thường trú	Xã				
	H. YÊN DŨNG										
1	Nguyễn Văn Đồi	1960	10/3/2015	Nguyễn Thị Thảo	1960	Nam	Đông Việt	Vợ	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
2	Nguyễn Văn Lý	1959	25/12/2006	Nguyễn Văn Được	1991	Trung	Đông Việt	Con	01 tháng 13 ngày	3.600.000	
3	Phan Văn Na	1947	13/01/2013	Phan Thành Lê	1973	Cát	Đức Giang	Con	01 tháng 13 ngày	2.500.000	
4	Nguyễn Khắc Nhi	1958	14/5/2015	Nguyễn Thị Vũng	1957	Việt Thắng	Đông Phúc	Vợ	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
5	Nguyễn Thị Vân	1960	18/10/2013	Nguyễn Văn Hùng	1982	Đông Nhân	Đông Phúc	Con	1 tháng 13 ngày	2.500.000	
6	Nguyễn Khắc Ca	1954	04/02/2008	Lê Thị Chai	1955	Việt Thắng	Đông Phúc	Vợ	1 tháng 13 ngày	3.600.000	
7	Hưng Văn Yên	1954	01/11/2009	Ngô Thị Lễ	1953	Hoàng Phúc	Đông Phúc	Vợ	1 tháng 13 ngày	3.600.000	
8	Lương Đức Tới	1949	10/6/2011	Chu Thị Lược	1949	Cao Đông	Đông Phúc	Vợ	24 ngày và bị địch bắt 86 ngày tại Quảng Châu Trung Quốc	3.600.000	
9	Nguyễn Văn Thế	1944	02/02/2008	Nguyễn Văn Luân	1982	Đông Nhân	Đông Phúc	Con	1 tháng 13 ngày	3.600.000	
	Tổng									28.000.000	

Tổng số đối tượng: 09 người.

Tổng số tiền: 28.000.000 đồng (Bằng chữ: Nhai mười tám triệu đồng chẵn)